|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tuần 31**  **Tiết 121** | **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT** | **NS : 21.4.2024**  **ND: 22.4.2024** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết, phân tích được hiện tượng vay mượn từ, đặc điểm của từ mượn và thực tế sử dụng từ mượn hiện nay.

- HS hình thành được nguyên tắc ứng xử thích hợp đối với việc mượn từ, sử dụng từ mượn trong nói, viết và rộng ra là trong giao tiếp xã hội.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực nhận biết nghĩa của từ ngữ trong văn bản.

- Năng lực nhận biết phép tu từ điệp ngữ.

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

GV đặt câu hỏi: Ở các cửa hàng thời trang, người ta thường sử dụng vật dụng gì để trưng bày quần áo? Ngoài những tên gọi trên, chúng ta còn dùng tiếng nước ngoài để gọi tên chúng? Em hãy chỉ ra các tên gọi đó?



**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

+ HS nghe và trả lời

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

GV dẫn dắt: Những tên dùng gọi các đồ vật trên là loại từ nào, nguyên tắc sử dụng chúng ra sao, chúng ta sẽ tìm hiểu qua bài học hôm nay.

HS trả lời: ma-nơ-canh

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Hiện tượng vay mượn từ, từ mượn và việc sử dụng từ mượn**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách xác định các từ mượn và nguồn gốc của từ mượn.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**NV1 :**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS dựa vào nội dung SHS, hãy cho biết: *Từ mượn là gì? Từ mượn có nguồn gốc từ đâu?*

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thực hiện nhiệm vụ

Dự kiến sản phẩm:

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

GV chuẩn kiến thức: Muốn sử dụng từ ngữ phù hợp với văn bản và đạt hiệu quả sử dụng cao, cần chú ý tới nghĩa của từ mà chúng ta định sử dụng. Đồng thời, lựa chọn cấu trúc câu trong văn bản cần chú ý tới ngữ cảnh, mục đích viết/nói,d dặc điểm văn bản để chọn cấu trúc phù hợp.

**I. Từ mượn**

- Từ mượn là từ có nguồn gốc từ một ngôn ngữ khác.

- Từ vay mượn tiếng Hán

- Từ mượn ngôn ngữ châu Âu được việt hoá gần như hoàn toàn: cà phê, cà vạt, săm, lốp

- Từ mượn được viết nguyên dạng hoặc viết tách từng âm tiết, giữa các âm có gạch nối

- Tránh lạm dụng từ mượn để không gây khó hiểu, khó chịu cho người nghe.

GV yêu cầu HS quan sát câu văn trong VB “Các loài chung sống với nhau như thế nào?”

***Quan hệ đối kháng được biểu hiện qua việc cạnh tranh, kí sinh, ăn thịt lẫn nhau.***

GV đặt câu hỏi: Dựa vào chú thích của bài và hiểu biết của bản thân, hãy giải thích nghĩa từ: đối kháng, kí sin

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**NV1: Bài tập 1**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở.

GV hướng dẫn HS làm lần lượt từng ý.

GV lưu ý HS rằng nhiều yếu tố HáN ViỆt có khả năng hoạt động rất cao, thường được dùng để tạo ra những từ ghép mới.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

- Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS

**II. Luyện tập**

**Bài 1/trang 86**

a. Các từ vay mượn tiếng Hán: kế hoạch, công nghiệp, băng, không khí, ô nhiễm. Các từ này có cách đọc và hình thức chính tả giống từ thuần Việt, có tính chất khái quát về nghĩa.

Các từ vay mượn tiếng Anh: ô-dôn. Từ có gạch nối giữa các âm tiết.

b. Từ ô-dôn tạo cảm giác về từ mượn rõ nhất. Vì đây là một thuật ngữ khoa học, có cấu tạo và hình thức chính tả khác biệt.

c.- Không: không trung (khoảng không gian trên cao), không gian (là khoảng không mở rộng theo ba chiều cao, dài, rộng), không quân (một quân chủng hoạt động trên không nhằm bảo vệ vùng trời quốc gia)

- nhiễm: lây nhiễm (chỉ sự truyền lan của bệnh hoặc thói xấu nào đó), truyền nhiễm (lây lan của dịch bệnh), nhiễm khuẩn (chỉ tình trạng một sinh vật bị vi khuẩn xâm nhập vào cơ thể)

**NV2**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

**- GV yêu cầu HS làm bài tập 2.**

GV hướng dẫn HS thảo luận, nêu nhận xét về đặc điểm của vốn từ tiếng Việt.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

GV bổ sung: vốn từ tiếng Việt giàu có và phức tạp, gồm nhiều từ được mượn ở những ngôn ngữ khác, nhất là tiếng Hán (trước đây) và tiếng Pháp, tiếng Anh (sau này). Khi nhập vào tiếng Việt, các từ mượn đã được Việt hoá ở những mức độ khác nhau và quá trình này vẫn đang tiếp diễn. Nhờ việc chủ động vay mượn từ, tiếng Việt luôn phát triển, trong khi vẫn bảo lưu được những nét tinh tuý vốn có của mình.

**Bài 2/ trang 86**

- Vốn từ tiếng Việt giàu có và phức tạp, gồm nhiều từ được mượn ở những ngôn ngữ khác.

**NV3:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS đọc và suy nghĩ bài 3.

- GV hướng dẫn HS làm bài: lựa chọn những từ ngữ trong tiếng Việt có khả năng thay thế cho những từ mượn không cần thiết trong câu văn.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

**Bài 3/ trang 87**

Có thể diễn đạt lại:

***Người hâm mộ*** thực sự phấn khích, hân hoan khi thấy ***thần tượng*** của mình xuất hiện trên cửa chiếc chuyên cơ vừa đáp xuống ***sân bay***

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* làm thêm 1 số bài tập

**Bài tập 1**

Đọc câu văn sau đây và phân tích cách dùng từ mượn của tác giả:

*Có một nhịp điệu chung trong quá trình tiến hoá của các loài, mà sự sinh sôi mạnh mẽ hay suy giảm số lượng của loài này dẫn đến sự phát triển theo hướng nhiều thêm hay bớt đi tương ứng của loài kia.*

*(Ngọc Phú,* trích *Các loài chung sống với nhau như thế nào?)*

**Bài tập 2**

Viết một đoạn tin nhắn đăng kí mua hàng qua mạng có sử dụng từ mượn thích hợp.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Chấm bài làm của HS | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tuần 31**  **Tiết 122** | **TRÁI ĐẤT** | **NS : 23.4.2024**  **ND: 24.4.2024** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết được nét khác biệt giữa Vb văn học với Vb thông tin, ngay cả khi chúng cùng hướng với một chủ đề.

- HS nhận biết được nét đặc sắc của kiểu đối thoại trữ tình trong bài thơ.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh có được những phẩm chất tốt đẹp: ý thức trách nhiệm với cuộc đời, với Trái Đất – ngôi nhà chung của tất cả chúng ta.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm, cảm xúc của bản thân

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

*+* GV đặt câu hỏi khơi gợi vấn đề bằng các câu hỏi: *Em đã từng biết những cách ví von nào về Trái Đất? Vì sao có những điểm khác nhau trong cách nhìn về cùng một đối tượng? Riêng em, em thích hình ảnh so sánh nào?*

HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

+ HS nghe và trả lời

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận.

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Các nhóm bình chọn sản phẩm nào đẹp nhất.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá.

GV dẫn dắt: Với mỗi người, Trái Đất mang một dáng hình khác nhau. Vậy với tác giả Gam-da-tốp, ông đã nhìn nhận về Trái Đất như thế nào? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.

- HS chia sẻ những hiểu biết của mình: Trái Đất là người bạn, là mẹ hiền….

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu về tác giả qua phần sau khi đọc.

*-* GV hướng dẫn cách đọc: chú ý giọng đọc thích hợp: có đau xót, phẫn nộ, có thương xót, dịu dàng.

Để lột tả được những tình cảm chứa đựng trong bài thơ, cần chú ý đến hệ thống đại từ nhân xưng đã được sử dụng.

- GV đọc mẫu và gọi 1-2 HS đọc lại.

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

+ HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

**. Tìm hiểu chung**

***1. Tác giả - tác phẩm***

***2. Đọc***

***3. Bố cục***

- Khổ 1:

- Khổ 2***:***

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**NV1:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:

*+ Những cách hành xử nào đối với TĐ được nhắc tới trong khổ thơ? Chúng có điểm gì chung với nhau?*

*+ Thái độ của tác giả đối với chúng là gì? Vì sao em có thể nhận ra thái độ ấy?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

+ Các hành xử với TĐ được nhắc tới: xem TĐ là quả dưa, bổ cắn thành muôn mảnh; xem TĐ là quả bóng để giành giật, lao vào, đá đá.

+ Điểm chung: đều đối xử rất thô bạo, tàn nhẫn với TĐ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

GV bổ sung: Qua khổ thơ, tác giả đã sử dụng nghệ thuật so sánh để khắc hoạ hình ảnh Trái đất trong số đông loài người là vô cùng nhỏ bé, tầm thường, như quả dưa có thể bổ ăn, như trái bóng có thể giành giật, tranh đá. Các động từ mạnh liên tiếp đã lột tả cái nhìn thiển cận, hành động bạo ngược của loài người. Trái Đất đã cho họ sự sống, nuôi dưỡng con người qua từ biết bao đời nay.

Khổ thơ cũng đã thể hiện được thái độ của tác giả với cách gọi về những kẻ đối xử thô bạo (bọn, họ, lũ) và gọi TĐ là người, có cảm xúc và suy nghĩ như đồng loại.

**II. Tìm hiểu chi tiết**

**1. Khổ 1**

**-** Cách nhìn nhận về TĐ: quả dưa, quả bóng

- Cách đối xử với TĐ: bổ, cắn, giành giật, đá

🡪 Con người đã nhìn nhận TĐ như một vật sỏ hữu vô tri vô giác và cư xử một cách bạo ngược, ngu dốt

**NV2**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đặt câu hỏi:

*+ Nhà thơ đã hình dung ra TĐ như thế nào? đối xử và xưng hô ra sao với Trái Đất?*

*+ Nhắc đến nước mắt và máu, nhà thơ muốn nói lên tình trạng gì của Trái Đất?*

*+ Từ đó, rút ra nhận xét về thái độ của nhà thơ với TĐ*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

Có thể có nhiều lí do:

+ Nhà thơ gọi TĐ là “người”, hình dung ra TĐ với khuôn mặt thân thương, có những giọt nước mắt và vết thương đầy mình.

+ Tác giả đã an ủi, cất tiếng hát xoa dịu nỗi đau

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

***2. Khổ 2:***

- Xưng hô với TĐ là “người”: thể hiện thái độ trân trọng

- Hình dung về TĐ: gương mặt thân thương, giọt nước mắt rơi và máu chảy.

- Biện pháp nghệ thuật hoán dụ: nước mắt – tượng trưng cho những nỗi buồn, máu – tượng trưng cho những đau đớn, tổn thương mà TĐ phải chịu đựng, trải qua.

- Hành động của tác giả: an ủi, cảm thông, chia sẻ.

🡪 Tác giả đã cảm thông, chia sẻ, thấu hiểu, đồng cảm với người bạn Trái Đất.

- Sự đối lập giữa hai khổ thơ đã phản ánh cách cư xử của loài người với chính hành tinh nơi mình sinh sống.

**NV3:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đặt tiếp câu hỏi:

*+ Hãy chỉ ra sự khác nhau giữa cách hình dung về TĐ và thái độ cư xử của TĐ ở hai khổ thơ*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm: Có sự đối lập trong cách hình dung và thái độ cư xử với TĐ ở hai khổ thơ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

Gv chuẩn kiến thức: Sự đối lập giữa hai khổ thơ đã phản ánh cách nhìn nhận, ứng xử của loài người với TĐ

+ Khổ 1: TĐ là vật sở hữu vô tri vô giác, là miếng ăn miếng ,mồi béo bở và con người đã cư xử thô bạo, tàn nhẫn, thiếu nhân văn.

+ Khổ 2: TĐ được hình dung như một con người có cảm xúc, là một số phận đau khổ, TĐ là đối tượng cần được sẻ chia, yêu thương và con người cần cư xử nhân văn, hiểu biết.

**NV4**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

**- GV đặt câu hỏi:** *Tóm tắt nội dung, ý nghĩa, nghệ thuật văn bản.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

**III. Tổng kết**

***1. Nội dung – Ý nghĩa:***

- Nội dung: Bài thơ nói về cách hình dung về TĐ và thái độ cư xử với TĐ của con người.

- Nhắn nhủ con người cần nhìn nhận, cư xử với TĐ như những người bạn

***2. Nghệ thuật***

- Nghệ thuật so sánh, nhân hoá đặc sắc, giọng điệu cảm thông, thương xót, ngôn ngữ giản dị mà thấm thía, sâu sắc.

- Sự đối lập giữa hai khổ thơ đã làm nổi bật chủ đề, nói lên thông điệp của tác giả muốn gửi gắm.

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

1. Điểm chung về nội dung: sự lo lắng, xót xa, ưu tư về tình trạng hiện thời của TĐ, đều khẳng định sự cần thiết của việc chung tay bả vệ sự sóng trên TĐ.

2. Điểm khác của bài thơ: hình tượng độc đáo, tình cảm sâu sắc, liên tưởng so sánh bất ngờ và ý nghĩa triết lí thâm trầm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

*1.* Hãy tìm ra điểm chung về mặt nội dung giữa bài thơ của Gam-da-tốp với hai văn bản ***TĐ – cái nôi của sự sống*** và ***Các loài chung sống với nhau như thế nào?***

*2*. Cùng đưa ra thông điệp giống nhiều văn bản khác,nhưng bài thơ Trái Đất của Ra-xun Gam-da-tốp vẫn có được sự độc đáo, sức hấp dẫn riêng. Theo em, những gì đã tạo nên sự độc đáo, sức hấp dẫn riêng ấy?

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS thảo luận: Theo em, để lau nước mắt và “rửa sạch máu” cho TĐ, mỗi người chúng ta cần phải làm gì?*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tuần 31**  **Tiết 123-126** | **VIẾT**  **VIẾT BIÊN BẢN MỘT CUỘC HỌP, CUỘC THẢO LUẬN**  **TÓM TẮT BẰNG SƠ ĐỒ NỘI DUNG CỦA MỘT VĂN BẢN ĐƠN GIẢN** | **NS : 25.4.2023**  **ND: 27.4.2023** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS thấy được ý nghĩa, vị trí riêng của văn bản nhật dụng trong đời sống và biết cách viết một biên bản hợp thức về một cuộc họp.

- HS nhận thức được tầm quan trọng cảu kĩ năng tóm tắt văn bản phục vụ cho nhu cầu tiếp nhận tri thức, tích luỹ tài liệu và biết tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một văn bản đơn giản đã đọc.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏ.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đưa câu hỏi gợi mở: *Em đã bao giờ được chọn làm người viết biên bản cho một cuộc họp, cuộc thảo luận chưa? Tại sao người ta phải cân nhắc khi chọn người viết biên bản? Hãy nêu một dẫn chứng cho thấy trong cuộc sống của chúng ta, biên bản đôi khi rất cần thiết…*

HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

+ HS nghe và trả lời

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận, thuật lại ngắn gọn

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá

*GV dẫn dắt vài bài:* Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu hai nội dung

Trong đời sống, chúng ta có thể gặp phải tình huống viết biên bản cho những cuộc họp, cuộc thảo luận. Do đó, chúng ta cần phải biết cách viết một biên bản.

Đồng thời, với nhiều kiến thức phải nhớ, phải thuộc, chúng ta thường phải làm việc quá tải với nhiều tài liệu phải xử lí. Vì vậy, một giải pháp đơn giản mà hiệu quả, đó là tóm tắt VB bằng một sơ đồ.

- HS có thể kể ra một số biên bản: biên bản cuộc họp chi đội, biên bản kỉ luật, biên bản xếp loại thi đua….

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với biên bản và bản tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một văn bản đơn giản**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu đối với biên bản và cách tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một văn bản đơn giản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**NV1**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS đọc phần Thể thức của biên bản thông thường trong SHS và trả lời câu hỏi:

*+ Từ những gì được trình bày trong phần viết này, hãy nêu lên những tiêu chủa mà biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận cần phải đảm bảo.*

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

+ HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

**I. Tìm hiểu yêu cầu**

***1. Yêu cầu đối với biên bản***

Thể thức của biên bản thông thưòng:

-Đầu biên bản, phía bên phải ghi quổc hiệu và tiêu ngữ; phía bên trái ghi tên cơ quan chức năng có nhiệm vụ tổ chức cuộc họp, cuộc thảo luận hay xử lí vụ việc.

-Dưới từ “Biên bản”, ghi khái quát vấn đề mà cuộc họp, cuộc thảo luận cẩn giải quyết hay nội dung của vụ việc cần xử lí, làm thành tên gọi của biên bản.

-Ghi thời gian và địa điểm diễn ra cuộc họp, cuộc thảo luận, xử lí vụ việc,...

-Ghi thành phần tham dự và tên người chủ trì, người thư kí.

-Ghi diễn biễn của cuộc họp, cuộc thảo luận hay cuộc xử lí vụ việc với các nội dung cụ thể, theo đúng thực tế đã diễn ra (bao gồm các ý kiến tường trình, phát biểu và kết luận).

-Ghi thời gian kết thúc cuộc họp, cuộc thảo luận hay cuộc xử lí vụ việc.

-Người chủ trì và thư kí (tuỳ trường hợp, có thể thêm người làm chứng) ki tên.

**NV2**

**-Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS đọc phần Ý nghĩa của việc tóm tắt VB bằng sơ đồ trong SHS và trả lời câu hỏi:

*+ Một VB tóm tắt phải như nào để có thể được gọi là đạt/ tốt?*

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

+ HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.

Dự kiến sản phẩm:

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

***2. Yêu cầu của việc tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một VB đơn giản***

Làm nổi bật được nội dung chủ yếu của văn bản.

Làm sáng tỏ được những mối liên hệ bên trong giữa các bộ phận chính của văn bản.

Bảo đảm tính trực quan, thẩm mĩ, gây được ấn tượng tích cực về mặt thị giác để có thể hỗ trợ tốt cho trí nhớ

**Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các đặc điểm của một biên bản và cách tóm tắt nội dung bằng sơ đồ.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**NV1:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo biên bản họp lớp bàn về kế hoạch tổ chức hoạt động hưởng ứng “Ngày chủ nhật xanh”

- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm những câu hỏi sau:

*+ Nêu nhận xét chung về việc tuân thủ thể thức biên bản trong văn bản trên.*

*+ Vì sao biên bản phải có tên gọi và phải ghi đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, người chù trì, người thư kí?*

*+ Khi làm biên bản, nội dung nào cần được ghi chi tiết, cụ thể hơn cả?*

*+ Vì sao cuổi biên bản phải có chữ kí của người chủ trì, người thư kí?*

*+ Ngôn ngữ của biên bản có đặc điểm gì dễ nhận biết?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.

- GV lưu y: Biên bản tham khảo trong bài thuộc loại biên bản thông thường. Đối với những biên bản của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, thể thức của chúng còn được quy định chặt chẽ, phức tạp hơn, do phải tuân thủ Nghị định của Chính phủ về vấn đề này.

**II. Phân tích bài viết tham khảo**

***1. Biên bản họp lớp bàn về kế hoạch tổ chức hoạt động hưởng ứng “Ngày chủ nhật xanh”***

- Biên bản đã tuân thủ thể thức biên bản.

- Biên bản phải có đủ tên gọi, ghi đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, người chủ trì, thư kí nhằm xác định rõ nội dung, thời gian và địa điểm diễn ra, thành phần cuộc họp.

- Nội dung ghi chi tiết, cụ thể: diễn biễn của cuộc họp, cuộc thảo luận hay cuộc xử lí vụ việc với các nội dung cụ thể, theo đúng thực tế đã diễn ra.

- Cuối biên bản cần có chữ kí của người chủ trì, người thư kí nhằm xác nhận lại những nội dung đã ghi trong biên bản là chính xác.

- Ngôn ngữ: chuẩn mực, rõ ràng

**NV2:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS đọc lại VB VB Trái Đất – cái nôi của sự sống và xem sơ đồ tóm tắt.

- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm những câu hỏi sau:

*+ Là người đã đọc, đã học VB, em thấy bản tóm tắt này đã phản ánh đúng những gì được đề cập trong VB chưa?*

*+ Đối chiếu với các yêu cầu được xác định ở trên, bản tóm tắt đã bộc lộ ưu điểm, nhược điểm gì?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.

***2. Sơ đồ tóm tắt nội dng VB Trái Đất – cái nôi của sự sống***

Sơ đồ tóm tắt đã bảo đảm được các yêu cầu:

- Tính trực qua

- Tính lo-gic, khoa học

- Tính khái quát

- Tính thẩm mĩ

**Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách viết biên bản và tóm tắt sơ đồ VB

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**NV1:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv hướng dẫn HS đọc phần mục đích viết và đối tượng người đọc để xác định yêu cầu về mục đích.

- GV có thể đưa ra yêu cầu biên bản. VD: *Hãy viết biên bản cuộc họp bàn kế hoạch tổ chức hoạt động ngày 8/3 của lớp 6A.*

- GV hướng dẫn HS đọc phần trước khi viết, viết biên bản và chỉnh sửa biên bản. Sau khi các em nắm rõ vấn đề, sẽ bắt tay vào viết

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.

**III. Các bước tiến hành**

***1. Viết biên bản cuộc họp, cuộc thảo luận***

**Trước khi viết**

- Hình dung lại cuộc họp cà được ghi biên bản

- Xác định tên gọi của biên bản, lựa chọn nội dung cho biên bản sắp viết.

**Viết biên bản**

**Chỉnh sửa bài viết**

**NV2:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv hướng dẫn HS đọc quy trình thực hành tóm tắt VB bằng sơ đồ qua ba mục: trước khi tóm tắt, Tóm tắt, Chỉnh sửa.

- GV đưa ra nội dung cần tóm tắt. VD Tóm tắt quan niệm của vua sư tử Mu-pha-sa về vòng đời bất tận (đoạn đầu VB *Các loài chung sống với nhau ntn?)*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

+ HS đọc, có thể nêu những băn khoăn, đề xuất. HS thực hành viết

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.

**2. Tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một văn bản đơn giản**

**Trước khi tóm tắt**

- Xác định đúng nội dung cốt lõi và hệ thống ý triển khai nội dung.

- Lựa chọn từ khoá phản ánh nội dung cốt lõi

- Xác định mối liên hệ giữa các từ khoá

**Tóm tắt**

- Vẽ các hình cụ thể chứa từ khoá

- Sắp xếp các hình theo trật tự thích hợp

- Vẽ các đường cong, thẳng hoặc mũi tên nối các hình (chứa từ khoá) với nhau.

**Chỉnh sửa**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết biên bản và tóm tắt sơ đồ, bám sát dàn ý đã lập.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Hình thức viết bài kiểm tra tại lớp | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung.  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |